

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/DS-ST
Ngày: 22/12/2017.
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Đình Ngân.

- *Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Văn Nhãn.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2017/TLST-DS ngày 06/10/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp B, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

* *Bị đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1978 và ông Trương Văn Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp N, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An.

(*Bà T, bà H có mặt; ông T vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T: Vào ngày 09/6/2017 bà Tuyền có cho bà Võ Thị H ông Trương Văn Th vay số tiền 200.000.000đ để mua lúa, thời hạn vay sáng vay đến chiều tối (trong ngày) sẽ trả, khi vay không thỏa thuận lãi suất. Sau khi bà H và ông Th không trả thì bà T đòi nhiều lần đến ngày 28/5/2017 âm lịch (là ngày 22/6/2017) bà H và ông Th có trả cho bà T được số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) còn lại số tiền 170.000.000đ

(một trăm bảy mươi triệu đồng) đến nay chưa trả cho bà T. Nay bà T yêu cầu ông Th, bà H phải liên đới trả cho bà T số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả của số tiền này (trước đây bà Tuyên yêu cầu mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 10/6/2017 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 22/12/2017)) tại phiên tòa bà T thay đổi, bà chỉ yêu cầu mức lãi suất chậm trả là 10%/năm. Như vậy thời gian tính lãi là 06 tháng 12 ngày với số tiền là 8.943.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Bà T yêu cầu bà Hận và ông Th trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bị đơn bà Võ Thị H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H thừa nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim T về khoản nợ, thời gian vay tiền và trả tiền đúng như lời bà T trình bày. Nay bà T yêu cầu trả số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 10/6/2017 đến ngày 22/12/2018 (ngày xét xử sơ thẩm) thời gian là 06 tháng 12 ngày số tiền lãi là 8.943.000đ (tám triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn) bà H đồng ý cùng ông Th liên đới trả cho bà T số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và và tiền lãi chậm trả là 8.943.000đ (tám triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn), nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Đối với ông Trương Văn Th mặc dù vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên qua bản tự khai ngày 23/11/2017 như sau: Việc vợ ông là bà Võ Thị H đi buôn lúa và tự đứng ra vay số tiền này ông không biết, đến khi bà T đòi nợ thì ông mới biết. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày 10/6/2017 đến nay ông đồng ý cùng bà hận có trách nhiệm trả cho bà T, nhưng hiện nay chưa có khả năng, khi nào có thì vợ chồng ông sẽ trả cho bà T.

* Chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 26/7/2017; Giấy viết tay thể hiện bà H vay tiền của bà T (bản chính); Bản tự khai ngày 23/11/2017.

* Chứng cứ do bị đơn bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th cung cấp: Bản tự khai bà H ngày 25/10/2017; Bản tự khai của ông Th ngày 23/11/2017.

* Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

- Tại Phiên tòa các đương sự không cung cấp chứng cứ nào khác ngoài những chứng cứ đã cung cấp khi nộp đơn khởi kiện.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền và bà Võ Thị H thống nhất bà T cho bà H và ông Th vay số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), bà H và ông Th đã trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) số tiền nợ còn lại là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng); mục đích vay là để mua bán lúa gạo để kiếm lợi nhuận; thời gian cho vay là trong ngày sáng vay, chiều trả; cho vay không tính lãi.

Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do sau khi vay bà H và ông Th đã vi phạm hợp đồng vay, khi đến hạn trả nợ mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông Th trả nợ nhưng bà H và ông Th không trả, mặc dù bà T đã tạo điều kiện cho bà H và ông Th được trả góp số tiền này mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi hết nợ, nhưng bà H và ông Th không thực hiện.

Tòa án sau khi thụ lý vụ án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà T cùng bà H và ông Th tự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết toàn bộ vụ án, tuy nhiên các bên đương sự chỉ thống nhất được số nợ nhưng không thống nhất được cách trả nên phiên hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự, bị đơn bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã TĐ, huyện TH, tỉnh Long An và hiện tại đang có mặt tại địa phương. Căn cứ quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] Về tố tụng: ông Trương Văn Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Thức.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T:

Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền phát sinh từ hợp đồng vay là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả từ ngày 10/6/2017 đến ngày 22/12/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) với mức lãi suất 10%/năm thời gian là 06 tháng 12 ngày. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T cung cấp giấy biên nhận vay tiền do chính bà H viết cho bà cho bà T. Qua giấy vay này kết hợp với lời khai của bà H và ông Th trong bản tự

khai cũng như lời khai của bà H tại phiên tòa thể hiện vào ngày 06/9/2017 bà H có vay của bà T số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho vay buổi sáng hẹn đến chiều trả, nhưng đến chiều bà H không trả, sau đó bà T đòi nhiều lần thì vào ngày 28/5/2017 âm lịch (là ngày 22/6/2017) bà H có trả được 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) còn lại số tiền là 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) kéo dài đến nay không trả, việc cho vay không tính lãi đúng như lời bà T đã trình bày.

Về hình thức hợp đồng vay: Hai bên thỏa thuận bằng lời nói thời gian trả nợ là trong ngày (sáng cho vay đến chiều trả lại) và cho vay không tính lãi nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Do khi đến hạn trả nợ vay bà H và ông Th không trả cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, do đó bà T khởi kiện đòi lại tài sản cho vay để bảo vệ quyền lợi cho mình là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Dân sự.

Đối với bà H và ông Th thừa nhận số nợ mà bà T khởi kiện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng và không cần phải chứng minh.

Bà H và ông Th có ý kiến đồng ý trả cho bà T số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng đề nghị là trả dần 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết nợ, tuy nhiên, đề nghị này của bà H và ông Th không được bà T đồng ý nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về lãi suất do H và ông Th chậm trả nợ cho bà T nên bà T yêu cầu tính lãi do chậm trả với mức 10%/năm thời gian tính từ ngày 10/6/2017 đến ngày 22/12/2017 là 06 tháng 12 ngày, yêu cầu này của bà T được bà H đồng ý và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

Từ những phân tích, đánh giá nói trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật

Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà T được chấp nhận. Bà T không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 20 Luật phí, lệ phí; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T đối với bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Buộc bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền gốc 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng), tiền lãi là 8.943.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng). Cộng cả gốc và lãi là 178.943.000đ (một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự, trường hợp người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Võ Thị H và ông Trương Văn Th phải chịu 8.947.000đ (tám triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước (chưa nộp). Bà Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 4.346.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003725 ngày 06 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T, bị đơn bà Võ Thị H có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Trương Văn Th vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã Ký

Phan Đình Ngân